TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2017/DS-ST
Ngày 29 tháng 5 năm 2017
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Khánh Hưng

2. Bà Trần Ngọc Tiên

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Viễn Thoa là thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 659/2016/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2016, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 462/2017/QĐXX - ST ngày 19 tháng 4 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 541/2017/QĐST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1988

Nơi cư trú: Số 19 Đường N, Phường M, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Duy L, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 23/12/2016).

Hộ khẩu thường trú: Tổ 8A, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (*Có mặt tại phiên tòa*)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Anh C, sinh năm: 1972. *(Vắng mặt)*

Nơi cư trú: số D Đường Q, Phường W, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/11/2016 của Bà Nguyễn Thị A và quá trình giải quyết vụ án Bà Trần Thị Duy L là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

- Ngày 01/10/2013, Bà Nguyễn Thị Anh C có vay của Bà Nguyễn Thị A số tiền là 3.900.000.000 (Ba tỷ, chín trăm triệu) đồng, giữa hai bên có thỏa thuận và lập hợp đồng vay tiền với nội dung như sau:

- Hợp đồng vay lần 1 số tiền vay là 1.400.000.000 đồng thời hạn vay 01 năm, lãi suất thỏa thuận là 12% năm, hai bên thỏa thuận từ ngày 01 đến ngày 05 tây hàng tháng trả tiền lãi là 14.000.000 đồng. Từ tháng 04 năm 2014 trả tiền lãi là 14.000.000 đồng và tiền gốc là 15.000.000 đồng. Hợp đồng vay lần 2 số tiền vay là 2.500.000.000 đồng. Thời hạn vay 01 năm, lãi suất thỏa thuận là 10%/năm, nhưng tính trên trên tiền gốc là 2.300.000.000 đồng. Từ tháng 03/2014 trả tiền lãi mỗi tháng trả là 19.000.000 đồng, tiền gốc là 15.000.000 đồng. Tháng 4/2014 trả tiền gốc là 30.000.000 đồng. Tuy nhiên từ khi vay đến nay bà C không thanh toán tiền lãi và gốc như đã thỏa thuận, nhiều lần bà A đôn đốc nhắc nhở nhưng bà C vẫn khất lần và cố tình vắng mặt né tránh trả nợ cho đến nay.

Tại phiên Tòa hôm nay, người đại diện của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu không thay đổi, bổ sung chứng cứ gì khác. Yêu cầu Tòa án buộc Bà Nguyễn Thị Anh C trả số tiền còn nợ gốc là 3.900.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Anh C vắng mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai của bị đơn và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc giải quyết vụ án:

- Về giải quyết và xét xử vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.
- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ đơn khởi kiện thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại số nhà D (Số cũ H) Đường Q, Phường W, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và là nơi cư trú cuối cùng. Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại thời điểm giao dịch hợp đồng vay tiền, bà C thể hiện nơi cư trú tại địa chỉ số D (Số cũ H) Đường Q, Phường W, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến nay Bà Nguyễn Thị Anh C không có mặt tại nơi cư trú, căn cứ kết quả xác minh ngày 11/01/2017 và ngày 23/3/2017, tại Công an nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, xác định "Bà Nguyễn Thị Anh C chưa xóa khẩu, hiện cư trú tại đâu không rõ". Sau khi giao dịch hợp đồng vay tiền cho đến nay, Bà Nguyễn Thị Anh C không thông báo cho Bà Nguyễn Thị A biết về nơi cư trú, làm việc. Căn cứ khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015 qui định "Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới". Do vậy trường hợp của Bà Nguyễn Thị Anh C được coi là cố tình giấu địa chỉ. Ngày 16 tháng 7 năm 2015, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp ban hành Quyết định số 389/2015/QĐDS-ST và Thông báo số 06/2015/TB-TA về việc "Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với Bà Nguyễn Thị Anh C có nơi cư trú cuối cùng tại nhà số 73 (Số cũ 54) Đường Q, Phường W, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, trên các báo, Đài tiếng nói Viết Nam trong 03 số liên tiếp, nhưng không có tin tức của bà C.

Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ đối với Bà Nguyễn Thị Anh C, đến Tòa án để lấy lời khai, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà C vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt đối với bị đơn là Bà Nguyễn Thị Anh C.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào chứng cứ và lời trình bày của người đại diện cho nguyên đơn đã có đủ cơ sở xác định 02 hợp đồng vay tiền (giấy tay) ngày 01 tháng 10 năm 2013 thể hiện Bà Nguyễn Thị Anh C có vay tiền của Bà Nguyễn Thị A và có nhận tiền lần thứ nhất là 1.400.000.000đồng, lần thứ hai nhận số tiền là 2.500.000.000 đồng. Tuy nhiên 02 hợp đồng vay tiền cùng 01 thời điểm và cùng phương thức trả nợ, nhưng khác nhau về thỏa thuận lãi suất. Đây là sự thể hiện ý chí thỏa thuận của các bên cho vay và bên vay thông qua hợp đồng vay tài sản (giấy tay thể hiện dấu vân tay, chữ ký và chữ viết của bà C) về việc vay tài sản có thời hạn và lãi suất, được quy định tại Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự qui định năm 2005 "Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay, khi đến hạn trả bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn". Do đó Bà Nguyễn Thị A yêu cầu Bà Nguyễn Thị Anh C hoàn trả số tiền còn nợ là 3.900.000.000 (Ba tỷ, chín trăm triệu) đồng là có cơ sở cần chấp nhận.

Về yêu cầu lãi suất, Bà Nguyễn Thị A không yêu cầu lãi suất. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Anh C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 305, 471 và 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; căn cứ Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; điểm a, khoản 1 Điều 39 Điều 179, khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu của Bà Nguyễn Thị A.

Buộc Bà Nguyễn Thị Anh C có trách nhiệm trả cho Bà Nguyễn Thị A số tiền còn nợ là 3.900.000.000 (Ba tỷ, chín trăm triệu) đồng.

2.Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Anh C phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 110.000.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị A không phải chịu tiền án phí sơ thẩm, bà A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 55.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017381 ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trong trường hợp bên có nghĩa vụ thi hành án chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4.Về quyền kháng cáo

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận :
- TAND TPHCM;
- VKSND QGV;
- CCTHADS QGV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thùy Trang